

## THỰC TRẠNG VẬN DỤNG DẠY HỌC THÔNG MINH TRONG GIẢNG DẠY SINH VIÊN NGÀNH SƯ PHẠM ĐỊA LÍ TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ TRONG BỐI CẢNH CỦA ĐẠI DỊCH COVID-19

Trịnh Chí Thâm<sup>1\*</sup> và Trần Thị Mỹ Linh<sup>2</sup>

<sup>1</sup>Khoa Sư phạm, Trường Đại học Cần Thơ

<sup>2</sup>Khoa Địa lí, Đại học Sư phạm Quốc gia Moscow, Nga

\*Người chịu trách nhiệm về bài viết: Trịnh Chí Thâm (email: [tctham@ctu.edu.vn](mailto:tctham@ctu.edu.vn))

### Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 15/02/2022

Ngày nhận bài sửa: 16/03/2022

Ngày duyệt đăng: 21/03/2022

### Title:

The current situation of employing smart teaching for the Geography Pedagogy students at Can Tho University in the context of the Covid-19 pandemic

### Từ khóa:

Covid\_19, dạy học thông minh, Đại học Cần Thơ, Sư phạm Địa lí

### Keywords:

Can Tho University, Covid\_19, Education, Geography Teacher, smart teaching

### ABSTRACT

This study analyzes the theoretical basis on smart teaching as well as assessing on the current situation of employing smart teaching for the Geography Pedagogy students at Can Tho University. The data in the study was collected and processed through a mixed method including studying document, carrying out survey, conducting in-depth interview,... both students and lecturers. This research results showed that both lecturers and students had quite good awareness of smart teaching. In addition, smart teaching methods as well as assessment ways are being applied quite diversely and effectively. However, in order to enhance the effectiveness of smart teaching, it is necessary to improve both teachers and learners' understanding of smart teaching as well as provide more intelligent platforms.

### TÓM TẮT

Thực trạng vận dụng lý thuyết dạy học thông minh (DHTM) trong dạy học sinh viên ngành Sư phạm Địa lí tại Trường Đại học Cần Thơ được đánh giá trong bài viết này. Nguồn thông tin trong nghiên cứu được thu thập và xử lý thông qua phương pháp hỗn hợp gồm nghiên cứu tư liệu, khảo sát bằng bản câu hỏi, phỏng vấn sâu,... một số sinh viên và giảng viên. Kết quả nghiên cứu cho thấy cả giảng viên và sinh viên có nhận thức khá tốt về DHTM. Bên cạnh đó, các phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá thông minh đang được vận dụng khá đa dạng và hữu hiệu. Tuy vậy, để hiệu quả DHTM được cải thiện thì cần cải thiện hiểu biết của cả người dạy và người học về DHTM và cung cấp các nền tảng thông minh đầy đủ hơn.

## 1. GIỚI THIỆU

Những năm gần đây, giáo dục thông minh (GDTM) trở thành chủ đề nóng trong nhiều sự kiện, hội thảo giáo dục cấp quốc gia và quốc tế, được đưa vào nội dung của nhiều dự án, chương trình và kế hoạch chiến lược không chỉ của các cơ sở giáo dục mà cả các cơ quan chính phủ và doanh nghiệp. Tổ

chức nghiệp vụ quốc tế KES bắt đầu tổ chức Hội thảo thường niên về GDTM và học trực tuyến từ năm 2014. Kể từ khi chính phủ Hàn Quốc ra tuyên bố đối với Sáng kiến về GDTM (SEI) vào tháng 6, 2011 thì GDTM đã trở thành chủ đề thảo luận ở tất cả các trường học nơi đây. Theo tạp chí The Korean Times, đến năm 2015, công nghệ kết nối internet

không dây đã cho phép cả học sinh và giáo viên ở các cấp học tại các trường của Hàn Quốc có thể dễ dàng truy cập các dịch vụ giáo dục dựa vào điện toán đám mây. Theo Chun (2013), Hàn Quốc là một trong những quốc gia đi tiên phong trong lĩnh vực GDTM này với những lợi thế to lớn về công nghệ.

Tại Việt Nam, GDTM cũng đang thu hút sự chú ý của các nhà giáo dục và các đơn vị quản lý. Ngày hội công nghệ thông tin của Phòng giáo dục và đào tạo quận Hoàn Kiếm, Hà Nội được tổ chức vào ngày 02 và 03 tháng 3, 2018 đã lấy chủ đề “Giáo dục thông minh trong thời kỳ hội nhập quốc tế” nhằm tạo cơ hội cho các trường giới thiệu sản phẩm và giải pháp công nghệ thông tin ứng dụng cho các hoạt động dạy và học. Ở bậc đại học, trường Đại học Quốc gia Hà Nội là đơn vị đã và đang triển khai nhiều dự án liên quan đến GDTM. Năm 2017, trường đã nghiệm thu “Hệ thống thực nghiệm giáo dục thông minh” tại phòng thí nghiệm Lý – Hóa – Sinh, đại học giáo dục và “Thư viện thông minh” tại trường Trung học Phổ thông Khoa học Giáo dục.

Trước diễn biến phức tạp của đại dịch Covid\_19, việc dạy học trực tuyến không chỉ là giải pháp tạm thời nhằm thích ứng với tình hình thực tế trước mắt mà còn được xem là một định hướng nhằm tiệm cận mô hình “Giáo dục thông minh”, “Trường học thông minh” trong thời đại 4.0. Ở một cách nhìn khác, chúng ta nên thừa nhận rằng đây là một cơ hội để đẩy mạnh số hóa trong dạy học nói chung và dạy học bậc đại học nói riêng.

Việc DHTM không chỉ góp phần nâng cao chất lượng giáo dục mà còn giải phóng năng lượng cho đội ngũ người dạy và người học, giảm tải những khó khăn và rắc rối về thủ tục hành chính, kích thích tư duy sáng tạo trong việc tổ chức dạy và học,... Tuy vậy, DHTM cũng có những rào cản và hạn chế nhất định làm ảnh hưởng đến kết quả dạy học nói riêng và kết quả đào tạo nói chung.

Thực tế, Trường Đại học Cần Thơ đã triển khai DHTM bằng hình thức trực tuyến nhiều năm qua và kết quả mang lại rất đáng khích lệ. Tuy vậy, trước tình hình đại dịch Covid\_19 diễn biến phức tạp và khó đoán, công tác triển khai dạy học trực tuyến nói riêng, DHTM nói chung được nhà trường quan tâm và chỉ đạo đúng mức, kịp thời. Mặc dù vậy, một số kẽ hở vẫn còn tồn tại tác động tiêu cực đến kết quả dạy và học nên cần có những giải pháp mang tính khả thi cho thực tế này. Nghiên cứu này phân tích một số vấn đề về DHTM và thực trạng vận dụng DHTM đối với ngành Sư phạm Địa lí, tại Trường Đại học Cần Thơ. Mục tiêu của nghiên cứu này là đánh giá thực trạng vận dụng DHTM đối với ngành

Sư phạm Địa lí tại Trường Đại học Cần Thơ và đề xuất giải pháp nhằm khắc phục những tồn tại hiện có (Chun, 2013). Điểm mới của nghiên cứu là đánh giá việc vận dụng DHTM đối với một ngành học cụ thể ở bậc đại học nên đối tượng nghiên cứu được xem xét và phân tích rõ và chi tiết hơn.

## 2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Phương pháp nghiên cứu

#### 2.1.1. Mẫu nghiên cứu

*Giảng viên ngành Sư phạm Địa lí:* 10 giảng viên.

Đây là nhóm đối tượng trực tiếp triển khai việc DHTM nên họ có thể cung cấp những thông tin thực tế và chính xác về việc vận dụng phương thức dạy học mới này. Với những trải nghiệm thực tế và kinh nghiệm của bản thân, giảng viên cung cấp những thông tin cần thiết để đánh giá hiệu quả và khó khăn của việc vận dụng DHTM trong công tác giảng dạy của họ. Từ đó, những đề xuất có tính khả thi được đưa ra nhằm khắc phục khó khăn của việc vận dụng DHTM.

*Sinh viên ngành Sư phạm Địa lí:* 30 sinh viên (gồm các khóa 43, 44, 45 và 46).

Có thể nói, sinh viên là người thụ hưởng và chịu tác động trực tiếp của việc vận dụng DHTM. Việc triển khai hoạt động học và hiệu quả học tập phản ánh chân thực hiệu quả của việc vận dụng DHTM trong bối cảnh đại dịch. Từ đó những thông tin cần thiết về khó khăn mà sinh viên gặp phải khi họ được học theo phương thức thông minh được thu thập. Cuối cùng, sinh viên cung cấp những đề xuất nhằm khắc phục những khó khăn mà họ đang đối mặt.

#### 2.1.2. Cách tiếp cận

Lý thuyết – thực trạng => giải pháp. Điều này có nghĩa là, cơ sở lý thuyết về đối tượng nghiên cứu được người viết tập hợp và hệ thống nhằm hỗ trợ việc đánh giá thực trạng của vấn đề. Cụ thể, thực trạng việc vận dụng DHTM trong giảng dạy ngành Sư phạm Địa lí được đánh giá nhằm đề xuất những giải pháp giúp cải thiện kết quả vận dụng này.

#### 2.1.3. Phương pháp nghiên cứu

##### a. Nghiên cứu tư liệu

Phương pháp này được vận dụng nhằm hỗ trợ tác giả trong việc tổng hợp và hệ thống những cơ sở lý luận về GDTM và DHTM. Điều này giúp người nghiên cứu hiểu về bản chất của đối tượng nghiên cứu để tìm hiểu về DHTM trong chuyên ngành Sư phạm Địa lí được thuận lợi hơn. Cụ thể, các khái niệm gồm GDTM, đại học thông minh, DHTM cũng như sự khác nhau giữa dạy học thông thường và DHTM được tìm hiểu. Đặc biệt, những thành tố cấu

thành và nguyên tắc tiến hành DHTM được nghiên cứu.

*b. Khảo sát*

Để đánh giá thực trạng vận dụng DHTM đối với ngành Sư phạm Địa lí, việc khảo sát được tiến hành qua bản câu hỏi đối với 30 sinh viên và 10 giảng viên. Đối với sinh viên, việc chọn mẫu khảo sát được thực hiện một cách ngẫu nhiên để kết quả khảo sát mang tính khách quan cao hơn. Trong đó, khách thể khảo sát được phân bố đầy đủ các khóa học gồm 43, 44, 45 và 46. Hình thức khảo sát được tiến hành qua công cụ Google biểu mẫu với các nhóm câu hỏi liên quan đến nhận thức của người được khảo sát về DHTM, ý nghĩa của việc vận dụng DHTM đối với dạy học nói chung và dạy học chuyên ngành của họ nói riêng, mức độ và hiệu quả vận dụng cũng như sự cần thiết phải vận dụng DHTM trong bối cảnh đại dịch Covid 19. Bên cạnh đó, nội dung khảo sát cũng giúp hệ thống lại một số phần mềm, ứng dụng và công cụ hỗ trợ DHTM.

*c. Phỏng vấn*

Phương pháp này giúp thu thập những lý giải của giảng viên và sinh viên về sự cần thiết phải vận dụng DHTM, đặc biệt là trong bối cảnh đại dịch Covid 19. Đồng thời, người dạy và người học có cơ hội chia sẻ chi tiết và cụ thể hơn về những khó khăn mà họ gặp phải trong quá trình dạy và học theo hướng thông minh. Từ đó, họ đề xuất giải pháp nhằm khắc phục những hạn chế cũng như khó khăn từ việc vận dụng DHTM. Việc phỏng vấn được tiến hành ngẫu nhiên trên 05 sinh viên và 02 giảng viên ngành này.

**2.2. Phương tiện nghiên cứu**

Nghiên cứu được thực hiện với sự hỗ trợ của các phương tiện sau:

- Các công cụ hỗ trợ thu thập thông tin: bản câu hỏi khảo sát, bản câu hỏi phỏng vấn;
- Các ứng dụng hỗ trợ dạy học trực tuyến: Google Meet, Google Classroom, Zoom meeting,...;
- Các công cụ hỗ trợ lưu trữ và xử lý thông tin: SPSS (*Statistical Package for the Social Sciences*), word, excel,...

**3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN**

**3.1. Bản chất, đặc điểm và ý nghĩa của dạy học thông minh**

*3.1.1. Bản chất*

GDTM được xem xét là việc hiện đại hóa tổng thể tất cả các quy trình đào tạo tận dụng tối đa nguồn

lực công nghệ thông tin truyền thông (ICT - Information and Communications Technology). Tương tự như vậy, giáo dục đại học thông minh là việc hiện đại hóa quá trình đào tạo đại học mà ở đó đơn vị phụ trách ICT phối hợp với các khoa chuyên môn sẽ tạo ra một chất lượng hoàn toàn mới trong quy trình và kết quả đào tạo, nghiên cứu, kinh doanh và các hoạt động khác của trường đại học (Tikhomirov & Dneprovskaya, 2015). Tính thông minh trong giáo dục phải được thể hiện ở việc áp dụng các công nghệ tiên tiến như bảng thông minh, màn hình thông minh và truy cập internet không dây ở bất cứ nơi nào (Long và ctv., 2018). Theo Heinemann & Uskov (2017), trường đại học thông minh là một cơ sở đào tạo bậc đại học, trong đó hội tụ tất cả các yếu tố gồm lớp học thông minh, môi trường học tập thông minh, giáo viên thông minh, khuôn viên thông minh, cộng đồng học tập thông minh, và cả phương pháp học tập thông minh. Diễn đàn đại học thông minh (Smart University Forum) lại đưa ra một định nghĩa khác rằng trường đại học thông minh gồm các thành tố: khuôn viên thông minh, con người thông minh, đào tạo thông minh, nghiên cứu thông minh, quản trị thông minh và ảnh hưởng thông minh. Đặc trưng của GDTM được làm rõ bởi các từ viết tắt của “SMART”:

- Self-directed (Tự định hướng);
- Motivated (Có động cơ);
- Adaptive (Có khả năng tương thích);
- Resource enriched (Có nguồn học liệu phong phú);
- Technology embedded (Có áp dụng công nghệ).

Ở New York, mô hình trường học thông minh là nơi triển khai GDTM gắn với việc hiện đại hóa cơ sở vật chất và tận dụng tối đa công nghệ hướng tới một nền giáo dục chất lượng cao (Geoffrey et al, 2014). Trong khi đó, Phần Lan lại quan niệm trường học thông minh (THTM) là kiểu trường học linh hoạt theo đặc điểm và khả năng của học sinh. Tính chất thông minh hướng đến mục đích sử dụng hiệu quả các giải pháp học tập, thúc đẩy người học học tập liên tục và có hiệu quả (Niemi & Vahtivuori, 2013). Như vậy, dù có sự khác nhau nhất định trong cách quan niệm về THTM nhưng cơ bản đều nhấn mạnh những đặc thù gồm ứng dụng tối đa ICT, hiện đại hóa và khai thác tối ưu cơ sở vật chất, linh hoạt để đáp ứng nhu cầu và khai thác tối đa thế mạnh của người học, tạo động cơ và kiến tạo liên tục sự tiến bộ của người học. Khi coi THTM là thành phần của hệ thống GDTM dựa trên nền tảng thành tựu ICT, “THTM là một cơ sở giáo dục thông qua các quy

trình giảng dạy và thực hành quản lý giáo dục nhằm thúc đẩy những thay đổi có tính hệ thống, giúp người học khắc phục được những thách thức đặt ra từ kỹ nguyên công nghệ thông tin” (Ibrahim et al., 2013).

Dạy học thông minh có thể được hiểu là việc vận dụng linh hoạt, hiệu quả các nguồn lực trên nền tảng ứng dụng tiến bộ của ICT (thiết bị, công cụ, ứng dụng, phần mềm,...) nhằm cải thiện kết quả dạy học một cách tối ưu nhất có thể (Kuppusamy, 2019). DHTM được đặc thù bởi việc cung cấp và mở rộng lớp học trực tuyến, sử dụng công nghệ để hướng dẫn một cách phù hợp với nhu cầu của người học, kết nối người học bằng công nghệ, nguồn học liệu mở đa dạng và phong phú, tập trung vào kỹ năng thực tế, quản lý và dạy học hiệu quả trên nền tảng công nghệ, vận dụng phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá một cách linh hoạt và phù hợp (Geoffrey et al, 2014).

**Bảng 1. Sự khác nhau giữa dạy học thông thường và dạy học thông minh**

Tiêu chí so sánh	Dạy học thông minh	Dạy học thông thường
Nội dung dạy học	Cởi mở và linh hoạt theo nhu cầu và sở trường cá nhân.	Cô định, bám sát vào chương trình được công bố.
Nguồn học liệu	Đa dạng và phong phú, phục vụ tốt nhu cầu học tập chuyên sâu và mở rộng.	Có giới hạn và chỉ đáp ứng cơ bản nhu cầu dạy và học.
Môi trường dạy học	Mở rộng theo không gian vật lý và số hóa để tạo cơ hội tương tác tốt.	Khá khép kín và thường diễn ra trong nhà trường, bị ảnh hưởng bởi không gian vật lý.
Phương pháp dạy và học	Đa dạng và linh hoạt; người học tự do và chủ động học tập, khám phá.	Khá khuôn mẫu, cô định nên người học thường tiếp nhận một cách máy móc.
Hình thức tổ chức lớp học	Đa dạng, học tập ngoài lớp được khuyến khích và hỗ trợ.	Khá đơn điệu, thường diễn ra trong lớp học; dạy học ngoài nhà trường còn thiếu.
Kiểm tra đánh giá	Dựa theo nhu cầu và sở trường của cá nhân, mang tính thực tế cao.	Bám sát những tiêu chuẩn và tiêu chí đã được ấn định, thiếu linh hoạt.

Một cách khách quan, dạy học thông thường cũng có nhiều ưu điểm nổi bật so với DHTM. Cụ thể, nội dung cố định và bám sát vào chương trình được công bố nên giúp đạt được mục tiêu dễ dàng. Bên cạnh đó, việc quản lý nguồn tư liệu và môi trường dạy học trong dạy học thông thường tốn ít kinh phí và đơn giản hơn. Do việc dạy học được tiến hành bằng các hình thức tổ chức và phương pháp quen thuộc nên dạy học thông thường hạn chế được những rủi ro so với DHTM. Đặc biệt, việc kiểm tra, đánh giá bám sát mục tiêu và tiêu chuẩn đã được ấn định nên đáp ứng chuẩn đầu ra tốt.

**3.1.3. Nguyên tắc và đặc điểm dạy học thông minh**

Trước tiên, cần hiểu rằng DHTM là một bước tiến mà nền tảng của nó là dạy học thông thường (International Business Machines, 2018). *Smart Education*. Truy cập ngày 28/4/2018:, 2018). Vì thế,

Để có một tổng thể DHTM, cần có nhiều thành tố khác nhau và bản chất của mỗi thành tố đều cần bộc lộ tính thông minh như phòng học thông minh, người học thông minh, người dạy thông minh, nguồn học liệu thông minh và môi trường học tập thông minh.

**3.1.2. Sự khác nhau giữa dạy học thông thường và dạy học thông minh**

Như đã trình bày ở trên, DHTM là việc vận dụng linh hoạt và hiệu quả các nguồn lực để cải thiện kết quả dạy và học, trong đó nguồn lực ICT được xem là cốt lõi nhất. Thông qua một số tài liệu (Attaran et al., 2012; Ibrahim et al., 2013; Geoffrey et al., 2014; Long và ctv., 2018), một số điểm khác biệt giữa DHTM so với dạy học thông thường được làm rõ.

việc tổ chức dạy học theo hướng thông minh cũng có những đặc điểm và nguyên tắc cơ bản như dạy học nói chung. Về mặt nguyên tắc, cũng như dạy học thông thường, DHTM cần đảm bảo một số nguyên tắc cơ bản trong dạy học như tính khoa học và vừa sức, tính giáo dục phẩm chất; tính phát triển tư duy, tính hệ thống và liên hệ thực tiễn. Tuy nhiên, tính mới của DHTM là ở chỗ khả năng và mức độ hiệu quả của việc vận dụng ICT vào các hoạt động dạy học và kiểm tra đánh giá.

**a. Ứng dụng hiệu quả thành tựu của công nghệ thông tin và truyền thông**

DHTM được đặc thù bởi việc ứng dụng ICT một cách hiệu quả. Nói cách khác, trong quá trình dạy học GV sử dụng ICT như công cụ/ thiết bị hỗ trợ việc dạy học của mình được hiệu quả hơn (Tikhomirov & Dneprovskaya, 2015). Vì thế, tính chất thông minh được hình thành một cách mặc định

bởi nền tảng công nghệ thông tin nên không có công nghệ thông tin thì khó có thể cấu thành DHTM. Điều này không có nghĩa có ứng dụng công nghệ thì được xem là vận dụng DHTM hiệu quả bởi nó còn tùy thuộc vào hiệu quả của việc vận dụng. Vì thế, để DHTM thực sự bộc lộ được bản chất của nó thì tính hiệu quả và hiệu suất của việc vận dụng ICT là tiêu chí giúp xác định mức độ thông minh của việc dạy học.

*b. Dạy học linh hoạt theo nhu cầu và đặc điểm của cá nhân*

Nếu như dạy học thông thường được tiến hành trên chương trình đã được xác định và được định hướng rất rõ bởi những mục tiêu đã được định trước, DHTM xem nhu cầu và đặc điểm cá nhân là mục tiêu quan trọng (IBM, 2018). Điều này có nghĩa là việc tổ chức dạy học được căn cứ vào nhu cầu thực tế xuất phát từ bản thân người học và từ xã hội. Điều này đã giúp cho DHTM tiếp cận hiệu quả với những đòi hỏi từ thực tiễn cuộc sống. Bên cạnh đó, việc dạy học như vậy giúp cho người học có thêm nhiều động lực hơn.

*c. Đặt người học vào trọng tâm của mọi hoạt động*

Biểu hiện rõ nhất của nguyên tắc này là người học được xác định nhu cầu và đặc điểm cá nhân trong quá trình học tập (IBM, 2018). Việc xem người học là trung tâm của quá trình dạy học nhằm giúp họ phát triển tối đa những điểm mạnh. Bên cạnh đó, việc tổ chức dạy học như vậy cũng hỗ trợ người học có thể tập theo sở thích của bản thân. Cụ thể, giảng viên cần lựa chọn nội dung học tập vừa đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình dạy học vừa đảm bảo phù hợp với mong muốn của người học. Hơn nữa, việc vận dụng phương pháp dạy học và hình thức kiểm tra cũng cần căn cứ vào nhu cầu và tình hình học tập của người học. Trong tổ chức hoạt động, giảng viên còn phải tìm cách khơi gợi được những đặc điểm học tập riêng của mỗi cá nhân để phát triển tư duy sáng tạo.

*d. Vận dụng linh hoạt những phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá tích cực*

Các nhà nghiên cứu đề xuất rằng cần vận dụng kết hợp và linh hoạt các hình thức và phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá theo đặc điểm, nhu cầu và thực tiễn. Thực tế cho thấy khi công nghệ càng phát triển thì cách học càng trở nên linh hoạt và hiệu quả hơn. Thêm vào đó, kiến thức và kỹ năng gắn bó chặt chẽ với nhau nên càng dễ vận dụng phương pháp dạy học để phát triển tích hợp 2 thứ này cho người học (Scardamalia & Bereiter, 2006). Tuy

nhiên, nhà trường thông thường sẽ phát triển những nền tảng chung cho hầu hết người học nên khó thể nào tạo ra được những đột phá trong giáo dục. Vì thế, việc dạy học cần thông qua những phương pháp và hình thức tổ chức gắn liền với các bối cảnh thực tiễn và nhu cầu học tập để người học được phát triển một cách tốt nhất (Ananiadou & Claro, 2009). Việc vận dụng các phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá cần quan tâm đến nội dung hướng dẫn học tập vì điều này giúp người học có được những ý tưởng ban đầu cho các bước đi tiếp theo của mình. Hướng dẫn càng chi tiết và định hướng càng cụ thể thì quá trình thể hiện của người học càng tốt hơn. Theo Geoffrey et al. (2014), những phương pháp dạy học cần được ưu tiên vận dụng trong DHTM là dạy học qua thuyết trình, thực hành, ứng dụng công nghệ thông tin và dự án. Trong đó, công nghệ thông tin như công cụ đặc lực để thực thi hiệu quả các phương pháp và hình thức dạy học khác nhau trong DHTM. Đặc biệt, việc đánh giá kết quả học tập cần quan tâm đến cả quá trình tạo sản phẩm và sản phẩm cuối cùng. Nói cách khác, đánh giá xác thực được đề cao trong DHTM trên nền tảng kết hợp đánh giá của giáo viên với đánh giá của sinh viên (tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau) (Chun, 2013).

*3.1.4. Ý nghĩa của dạy học thông minh*

Để đánh giá ý nghĩa của việc vận dụng DHTM trong dạy học ngành Sư phạm Địa lí ở Trường Đại học Cần Thơ, người nghiên cứu tiến hành khảo sát 30 sinh viên và 10 giảng viên thuộc chuyên ngành này. Ngoài việc khảo sát bằng bản câu hỏi, 10 sinh viên được phỏng vấn ngẫu nhiên để lí giải cụ thể về ý nghĩa của việc vận dụng DHTM. Kết quả nghiên cứu cho thấy, cả người dạy và người học đều thừa nhận DHTM có nhiều ý nghĩa to lớn như sau:

- - Giúp người học tiếp thu tri thức một cách dễ dàng. Người học tự do trong cách học và có quyền lựa chọn phương tiện, nguồn tư liệu mà mình yêu thích nên họ có nhiều động lực và hứng thú với việc học của mình. Một sinh viên ngành Sư phạm Địa lí năm thứ ba cho biết: “DHTM lấy công nghệ thông minh làm phương tiện chính trong thiết kế và triển khai bài giảng nên điều này đã giúp sinh viên tiếp cận nội dung dạy học dễ dàng vì sự thân thiện, trực quan và sinh động của nội dung giảng dạy”.

- - Hỗ trợ sinh viên học tập một cách tiện lợi vì họ có thể học mọi lúc, mọi nơi với nhiều hình thức đa dạng. Một người học ngành Sư phạm Địa lí năm cuối chia sẻ rằng DHTM giảm lượng giờ dạy trên lớp, thay vào đó việc học tập được thiết kế theo hướng thông minh nên rất tiện lợi. Yếu tố tiện lợi được nhấn mạnh bởi không phải lúc nào họ cũng cần

lên lớp; vì thế, việc học được tiến hành mọi lúc, mọi nơi với hình thức đa dạng hơn. Điều này có nghĩa là thay vì tập trung học tập trên lớp, lớp học thông minh cung cấp cho sinh viên những cơ hội trải nghiệm, thực hành và tự nghiên cứu theo định hướng thông minh.

– Phát triển hiệu quả một số năng lực cho người học, đặc biệt là năng lực ứng dụng ICT, khai thác internet, tự học và tự nghiên cứu,...; Điều này là phù hợp vì một trong những mục tiêu của DHTM là hướng đến việc khai thác nguồn tư liệu không giới hạn. Nguồn học liệu mở cả ở dạng bản in hay bản điện tử đều có ý nghĩa rất lớn cho việc tự học và nghiên cứu của sinh viên. Chia sẻ về điều này, một sinh viên ngành Sư phạm Địa lí năm cuối đã dẫn chứng: “Được thầy cô vận dụng DHTM thường xuyên nên em đã biết thêm một số ứng dụng và công cụ hỗ trợ rất tốt như Google Meet, Zoom, Azota, MAPEO, Datawrapper,...”. Một sinh viên khác cũng thuộc khóa này có một nhận định khác khi cho rằng “Trước đây em hay phụ thuộc vào giáo trình hoặc bài giảng được cung cấp, với hình thức học tập này em tự tìm được nhiều tư liệu chuyên ngành hữu ích. Điều này giúp em tự tin hơn với việc học tập không có sự hỗ trợ trực tiếp của giảng viên”. Như vậy, DHTM cũng góp phần cải thiện sự tự tin và bản lĩnh của người học.

– Khai gợi tư duy sáng tạo và kích thích hứng thú học tập ở sinh viên do người học được tự do lựa chọn nội dung, phương thức và công cụ học tập. Sinh viên đưa ra nhiều lí do rất thuyết phục rằng DHTM tạo điều kiện để họ học tập và thể hiện bản thân một cách sáng tạo hơn. Ví dụ, một sinh viên ngành Sư phạm Địa lí năm thứ hai cho rằng: “Khi yêu cầu thuyết trình trước lớp, giảng viên cho em tự do lựa chọn hình thức nên chúng em có thể sáng tạo theo cách riêng của mình”. Với những trải nghiệm của mình, một sinh viên năm cuối đúc kết rằng “Trước đây những bài thuyết trình chủ yếu được trình bày qua công cụ PowerPoint, hiện nay nhiều giảng viên gợi ý và khuyến khích em tích hợp với những ứng dụng và công cụ khác để khai thác triệt để hơn vai trò của ICT. Vì thế, bài thuyết trình có thể được thể hiện bằng infographic, poster, tranh vẽ điện tử, phim ngắn, sơ đồ điện tử,...”. Cụ thể, hiện nay một số sinh viên sử dụng hiệu quả các công cụ và ứng dụng như Prezi, iCloud Keynote, Emaze, Official Adobe Photoshop, Canva infographic maker, Venngage,... Chính những điều này cho thấy họ sáng tạo hơn với cách riêng của mình trong việc học tập một cách tự chủ trên nền tảng công nghệ.

– Giúp sinh viên thích ứng, chủ động, linh hoạt,... trong học tập và nghiên cứu, đặc biệt là thích

ứng với kĩ nguyên số. Một người học ngành Sư phạm Địa lí năm thứ hai nhấn mạnh rằng “Việc học tập thông minh hoặc ứng dụng công nghệ trong học tập đã góp phần tăng cường khả năng thích ứng và chủ động học tập của bản thân em”. Không thể phủ nhận, DHTM hướng đến khai thác tổng hợp sức mạnh nhằm biến đổi người học theo hướng thích nghi và phát triển tối ưu năng lực cá nhân trong hầu hết bối cảnh.

– Hỗ trợ người học tiếp cận với nguồn thông tin đa dạng và phong phú hơn. Với phương thức học tập thông thường, người học có tâm lí phụ thuộc vào những gì được cung cấp từ nhà trường. Điều này không còn phổ biến và hiệu quả đối với DHTM vì trong DHTM nguồn tư liệu học tập không có giới hạn. Điều này có nghĩa là người học có quyền lựa chọn tư liệu học tập mà mình yêu thích hoặc tin tưởng.

– Giúp cả người dạy và người học tiết kiệm thời gian: DHTM được tiến hành trong không gian mở nên giúp cả giảng viên và sinh viên tiết kiệm được thời gian. Ví dụ, họ có thể làm việc ở nhà mỗi khi có thể. Điều này cho thấy tính linh hoạt, tiện lợi của DHTM đã giúp cho các chủ thể tiết kiệm được thời gian làm việc trực tiếp với nhau.

– Công khai hóa mọi hoạt động học tập, đặc biệt là kết quả học tập của sinh viên. Trong DHTM, tiêu chí đánh giá và kết quả học tập thường được công bố công khai trên không gian mạng nên mọi thứ minh bạch và khách quan hơn. Cụ thể, giảng viên thường xây dựng tiêu chí đánh giá và công bố trên lớp học trực tuyến để sinh viên có định hướng tốt hơn cho quá trình tạo sản phẩm học tập. Bên cạnh đó, giảng viên cũng thường công bố mọi kết quả đánh giá để người học vừa có thể tự so sánh vừa có thể chiêm nghiệm.

## **3.2. Thực trạng việc vận dụng dạy học thông minh đối với ngành Sư phạm Địa lí**

### *3.2.1. Nhận thức của giảng viên và sinh viên*

Để kết quả nghiên cứu có cơ sở khoa học và độ tin cậy về nhận thức của giảng viên và sinh viên ngành Sư phạm Địa lí đối với DHTM, nhận thức của họ đối với định hướng dạy học này được nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu cho thấy cả giảng viên và sinh viên có nhận thức khá tốt về DHTM, đặc biệt là giảng viên.

Kết quả khảo sát chỉ ra rằng giảng viên hiểu rõ hơn về DHTM khi họ nhận thấy DHTM là việc vận dụng công nghệ và công nghệ thông tin, hoặc công nghệ thông tin truyền thông vào quá trình dạy học một cách linh hoạt nhằm đạt kết quả cao. Trong đó,

có hai giảng viên có những nhận định chính xác hơn về DHTM khi họ khẳng định việc vận dụng ICT chỉ là một khía cạnh vì để đạt được mục tiêu DHTM người dạy cần vận dụng chúng một cách thông minh. Ngược lại với đánh giá này, một giảng viên chia sẻ DHTM là dạy học có ứng dụng công nghệ. Có thể thấy rằng nhận định này không sai nhưng nó còn thiếu cơ sở vì công nghệ thông tin chỉ là công cụ để triển khai dạy học theo hướng thông minh chứ không phải là yếu tố quyết định.

Ở góc nhìn của mình, sinh viên cũng quan niệm DHTM là dạy học dựa trên nền tảng công nghệ; tuy vậy có 63,3% người học được khảo sát chia sẻ rằng cách khai thác công nghệ thông tin trong dạy học mới là yếu tố quyết định. Cụ thể, một sinh viên ngành Sư phạm Địa lí khóa 44 chia sẻ rằng: “Nếu giảng viên lạm dụng công nghệ mà không biết cách khai thác thì dẫn đến quá đà và tốn nhiều thời gian, công sức. Ví dụ, giáo viên thiết kế bài tập và đưa lên hệ thống lớp học thông minh nhưng lại không xây dựng hướng dẫn đã làm cho người học gặp khó khăn khi thực hiện nhiệm vụ, thậm chí thực hiện sai yêu

cầu”. Ngược lại với điều này, có 36,7 % sinh viên cho rằng dạy học có ứng dụng công nghệ thông tin thì được xem là thông minh. Như vậy, nếu xem xét các thành tố tạo nên sự thông minh trong các mô hình dạy học thì việc ứng dụng công nghệ chỉ đảm bảo được 1 trong 5 yếu tố cấu thành tính chất thông minh (SMART: Self-directed-Tự định hướng; Motivated-Có động cơ; Adaptive-Có khả năng tương thích; Resource enriched-Có nguồn học liệu phong phú; và Technology embedded-Có áp dụng công nghệ). Cũng như Kuppusamy (2009) đã nhấn mạnh rằng “DHTM là việc dạy học có tận dụng tất cả các nguồn lực dựa trên nền tảng công nghệ”. Như vậy, công nghệ chỉ là nền tảng và là công cụ hỗ trợ tiến hành DHTM.

3.2.2. Phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá

a. Phương pháp dạy học

Thực trạng vận dụng các phương pháp DHTM của giảng viên ngành Sư phạm Địa lí được khái quát ở Bảng 2.

**Bảng 2. Mức độ vận dụng các phương pháp dạy học**

*Đơn vị: %*

Phương pháp dạy học	Mức độ vận dụng				
	Rất thường xuyên	Thường Xuyên	Thỉnh thoảng	Hiếm khi	Không bao giờ
Dạy học qua sử dụng phương tiện trực quan	36,7	56,7	6,6	0	0
Dạy học đàm thoại gợi mở	16,7	70,0	13,3	0	0
Dạy học qua nêu và giải quyết vấn đề	10,0	63,3	26,7	0	0
Dạy học qua ứng dụng công nghệ thông tin	50,0	36,7	13,0	0	0
Dạy học qua nhóm	43,3	43,3	13,3	0	0
Dạy học qua trò chơi	20,0	46,7	26,7	6,7	0
Dạy học qua ứng dụng nền tảng mạng xã hội	10,0	50	40,0	0	0
Dạy học qua nghiên cứu khoa học	16,7	43,3	13,3	26,7	0
Dạy học qua dự án	10,0	56,7	23,3	10,0	0

(Nguồn: Kết quả khảo sát sinh viên, n = 30)

Nhìn chung, việc vận dụng các phương pháp dạy học của giảng viên rất đa dạng và được sinh viên đánh giá cao. Cụ thể, có tất cả 09 phương pháp dạy học được giảng viên vận dụng thường xuyên. Trong đó, có 04 phương pháp được vận dụng thường xuyên hơn trong DHTM gồm dạy học qua nhóm, dạy học có sử dụng phương tiện trực quan, dạy học qua đàm thoại gợi mở và dạy học qua ứng dụng ICT. Kết quả nghiên cứu cho thấy mỗi giảng viên đều có sự lựa chọn và vận dụng tích hợp, linh hoạt các phương pháp dạy học tùy vào nội dung, sở trường, điều kiện thực tế,... Đặc biệt, hiểu được bản chất của DHTM là tận dụng tính thông minh của việc khai thác công nghệ phục vụ dạy học nên tất cả giảng

viên đều ứng dụng ICT một cách rất thường xuyên. Cụ thể, có đến 86,7 % sinh viên cho rằng giảng viên vận dụng phương pháp này ở mức độ thường xuyên và rất thường xuyên. Mặc dù có đến 93,4 % sinh viên đánh giá rằng phương pháp dạy học qua phương tiện trực quan được vận dụng rất thường xuyên và thường xuyên nhưng ở mức độ rất thường xuyên thì phương pháp này có tỉ lệ thấp hơn phương pháp dạy học qua ứng dụng ICT, 36,7 % so với 50,0 %. Điều thú vị là tỉ lệ sinh viên đánh giá việc vận dụng phương pháp dạy học qua làm việc nhóm ở mức rất thường xuyên và thường xuyên là như nhau với 43,3 %. Trong khi đó, có đến 70 % người học tin tưởng phương pháp dạy học qua đàm thoại gợi

mở được vận dụng thường xuyên và 16,7 % số sinh viên được khảo sát nhận thấy phương pháp này được vận dụng rất thường xuyên.

Nhìn chung, việc lựa chọn và vận dụng các phương pháp dạy học của giảng viên Bộ môn Sư phạm Địa lí là phù hợp và đúng với định hướng DHTM. Theo những nhà nghiên cứu trước đó, việc lựa chọn hình thức và phương pháp dạy học tiếp cận DHTM không hề bị trói buộc trong những nguyên tắc cứng nhắc. Điều quan trọng là giáo viên cần tìm cách khai thác các phương pháp này theo hướng thông minh để người học có thể học tập hiệu quả. Đề bày tỏ quan điểm về việc vận dụng các phương pháp dạy học, một giảng viên nhận định rằng: “Chúng ta không nên hiểu rằng DHTM chỉ cần vận dụng các công cụ hay thiết bị thông minh vì đây chỉ là một phần của tính chất “thông minh”. Tôi tin tưởng rằng bản chất của DHTM là cách tổ chức và tiến hành dạy học sao cho thông minh. Nói cách khác, thông minh là cách khai thác thông minh nền tảng ICT”.

#### *b. Hình thức và phương pháp kiểm tra đánh giá*

Về hình thức, giảng viên của Bộ môn Sư phạm Địa lí vận dụng linh hoạt và đa dạng các hình thức đánh giá gồm đánh giá thường xuyên và định kì, đánh giá đầu vào và đầu ra, đánh giá của giảng viên và sinh viên. Một sinh viên năm ba ngành này cho rằng: “Nhờ vào những nhận xét cụ thể của thầy cô trong quá trình học tập mà em có nhiều tiến bộ hơn vì bản thân nhận thấy được những khuyết điểm của mình”. Một người học năm cuối lại quan tâm đến đánh giá đồng đẳng nên nhấn mạnh rằng: “Khi được tự đánh giá kết quả học tập của mình và có quyền đánh giá những bạn cùng lớp, em thấy bản thân có trách nhiệm và động lực học tập hơn vì em nghĩ mình cần am hiểu thật tốt mới có thể đánh giá bạn chính xác”. Cũng cùng trao đổi về các hình thức đánh giá nhưng một giảng viên quan tâm đến ý nghĩa của việc vận dụng các hình thức đánh giá khi cho rằng: “Điều quan trọng là khi vận dụng các hình thức đánh giá với nhau, chúng ta sẽ khai thác tốt hơn những ưu điểm của mỗi hình thức và hạn chế của nó sẽ được giảm đi. Điều này là biểu hiện rõ nét của đánh giá thông minh. Ví dụ, đánh giá của sinh viên sẽ làm hạn chế tính chủ quan từ phía người dạy”. Đặc biệt, tất cả giảng viên đều đồng quan điểm khi cho rằng cải thiện tính thông minh của việc đánh giá là cần thiết. Cụ thể, họ nhận thấy giáo viên có thể thiết kế các yêu cầu, bài tập, đề kiểm tra,... kèm theo tiêu chí đánh giá để đưa lên hệ thống mạng. Điều này không chỉ giúp họ công khai tiêu chí đánh giá

mà còn lưu trữ tư liệu hiệu quả. Không thể phủ nhận, khi tiêu chí đánh giá được thiết kế chi tiết, cụ thể và được phổ biến đến người học, kết quả dạy học sẽ được công khai, minh bạch, khách quan và có độ tin cậy hơn.

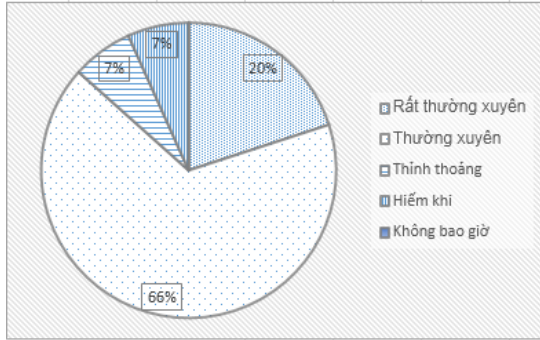
Bên cạnh đó, giảng viên cũng lựa chọn và sử dụng tích hợp các phương pháp đánh giá. Đặc biệt, bốn phương pháp đánh giá được vận dụng thường xuyên và hiệu quả gồm đánh giá qua bài thi viết (TNKQ, hoặc tự luận, hoặc TNKQ và tự luận kết hợp); đánh giá qua vấn đáp, đánh giá qua thuyết trình và đánh giá qua sản phẩm học tập. Biểu hiện của tính chất thông minh được minh chứng ở chỗ “Giảng viên đã dựa vào đặc thù môn học mà định hướng cho việc vận dụng phương pháp kiểm tra, đánh giá”. Một sinh viên chia sẻ rằng: “Chúng em được đánh giá qua phương pháp vấn đáp khi học môn Kỹ thuật dạy học Địa lí, qua thuyết trình/ giảng thử khi học môn Phương pháp dạy học Địa lí, qua sản phẩm dự án khi học môn Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam, qua sản phẩm công nghệ khi học môn GIS – Hệ thống tin Địa lí”. Việc vận dụng các phương pháp kiểm tra đánh giá đã thể hiện được tính thông minh trong tổ chức đánh giá kết quả học tập. Tuy vậy, việc tích hợp các hình thức và phương pháp đánh giá chưa bộc lộ đầy đủ tính thông minh vì yếu tố quan trọng là cách thức và kỹ thuật vận dụng các phương pháp đánh giá này trên nền tảng ICT. Xuất phát từ quan điểm này, giảng viên và sinh viên nhấn mạnh một số lưu ý trong đánh giá theo DHTM như sau:

- Cần có sản phẩm cụ thể để đánh giá: bài thuyết trình, sơ đồ, poster, infographic,...
- Nên kết hợp linh hoạt và uyển chuyển các hình thức và phương pháp kiểm tra, đánh giá tùy vào nội dung dạy học cụ thể, năng lực người học, điều kiện học tập,...
- Cần thiết kế công cụ đánh giá phù hợp với mục tiêu và sản phẩm.
- Phải xây dựng tiêu chí đánh giá chi tiết, cụ thể và phù hợp với mục tiêu đánh giá, sản phẩm học tập, đặc biệt nên công bố tiêu chí đánh giá trước mỗi nhiệm vụ học tập.
- Vận dụng thường xuyên các phần mềm, ứng dụng, công cụ,... để tổ chức đánh giá.
- Ứng dụng STEAM hoặc STEM vào việc đánh giá là một định hướng cần được xem xét.

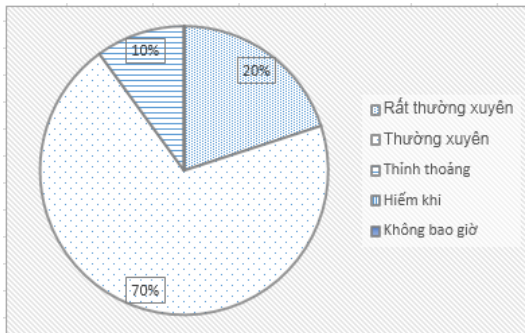


3.2.3. *Hiệu quả việc vận dụng dạy học thông minh*

Thực trạng vận dụng DHTM để giảng dạy sinh viên ngành Sư phạm Địa lí có mức độ thường xuyên và hiệu quả cao (Hình 1, Hình 2).



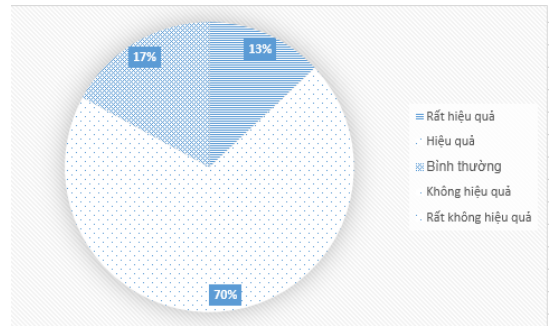
**Hình 1. Đánh giá của sinh viên về mức độ thường xuyên của việc vận dụng dạy học thông minh**



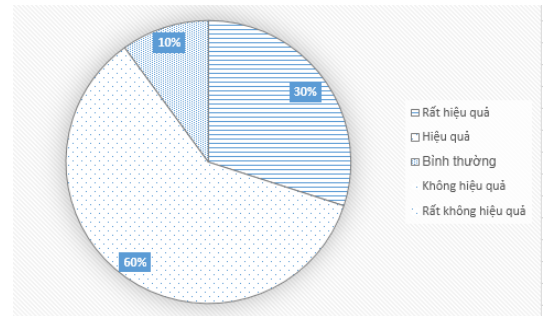
**Hình 2. Đánh giá của giảng viên về mức độ thường xuyên của việc vận dụng dạy học thông minh**

Dựa vào kết quả khảo sát, cả sinh viên và giảng viên đều nhận thấy DHTM được vận dụng thường xuyên. Cụ thể, số lượng giảng viên và sinh viên nhận định ở mức độ rất thường xuyên là như nhau với tỉ lệ 20%. Tuy nhiên, ở mức độ thường xuyên thì có sự khác biệt nhỏ. Cụ thể, có 66% sinh viên lựa chọn ở mức độ này nhưng có đến 70% giảng viên được khảo sát nhận thấy DHTM được vận dụng thường xuyên. Có 7% sinh viên đánh giá DHTM được vận dụng một cách bình thường và hiếm khi trong khi 10% giảng viên lựa chọn ở mức độ bình thường. Đặc biệt, mức độ hiếm khi và không bao giờ không được giảng viên lựa chọn. Như vậy, có thể thấy rằng DHTM được vận dụng phổ biến trong Bộ môn Sư phạm Địa lí. Theo một giảng viên, “Tôi từng được nghe về DHTM cách đây vài năm, sau đó tôi có quan tâm và tìm hiểu qua một số bài viết. Thực sự, trong

việc giảng dạy của mình tôi nhận thấy DHTM có thể giúp tôi khai thác nhiều thế mạnh của mỗi người học nên tôi đã vận dụng”.



**Hình 3. Đánh giá của sinh viên về mức độ hiệu quả của việc vận dụng dạy học thông minh**



**Hình 4. Đánh giá của giảng viên về mức độ hiệu quả của việc vận dụng dạy học thông minh**

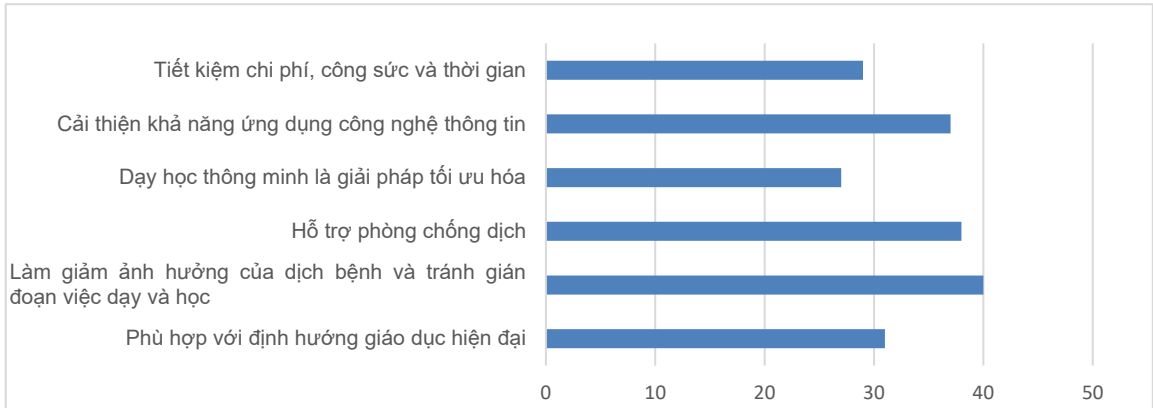
Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng hiệu quả của việc vận dụng DHTM được đánh giá cao. Cụ thể, có 13% sinh viên và 30% giảng viên đánh giá rằng DHTM đã được vận dụng rất hiệu quả. Bên cạnh đó, mức độ hiệu quả cũng được nhiều người được khảo sát lựa chọn khi có đến 70% sinh viên và 60% giảng viên đồng quan điểm. Cuối cùng, có đến 17% sinh viên trong khi chỉ có 10% giảng viên đồng ý rằng hiệu quả của việc vận dụng DHTM chỉ dừng lại ở mức bình thường. Như vậy, có thể thấy rằng giảng viên đánh giá cao hiệu quả của việc vận dụng DHTM so với sinh viên. Để làm rõ quan điểm của mình, một sinh viên khóa 44 chia sẻ rằng: “Một vài giảng viên có dạy học theo hướng thông minh thông qua việc ứng dụng các chức năng của ICT nhưng họ chưa khai thác hiệu quả công nghệ. Minh chứng là việc thiết kế và triển khai các yêu cầu/nhiệm vụ học tập khá giống nhau giữa dạy học thông thường và DHTM”. Như vậy, có thể thấy rằng việc khai thác nền tảng ICT chỉ là một phần biểu hiện của DHTM, để đạt được hiệu quả tối ưu cả người dạy và người học cần hiểu rõ bản chất của DHTM và được hướng dẫn cách tổ chức, triển khai.

3.2.4. Vận dụng dạy học thông minh trong thời kì đại dịch Covid\_19

Để đánh giá nhu cầu của việc vận dụng DHTM trong bối cảnh đại dịch Covid\_19, người nghiên cứu tiến hành khảo sát 30 sinh viên và trao đổi với 2 giảng viên. Về cơ bản, người học nhận thấy không những cần vận dụng DHTM trong thời kì đại dịch diễn ra mà còn tiếp tục triển khai mô hình dạy học này trong thời đại cách mạng công nghiệp 4.0 (Hình 5).

Thứ ba, việc dạy học trong bối cảnh đại dịch Covid\_19 có thể trở nên nhàm chán nếu chỉ dạy học theo phương thức thông thường, vì thế sự phổ biến DHTM như một giải pháp thích hợp và cải tiến hình thức tổ chức lớp học;

Thứ tư, DHTM giúp tiết kiệm chi phí, công sức và thời gian cho việc dạy học trong mùa dịch vì cả đơn vị đào tạo, người dạy và người học có thể tận dụng những nguồn lực sẵn có và khai thác nó theo cách thông minh hơn, phù hợp hơn.



Hình 5. Ý nghĩa vận dụng dạy học thông minh trong bối cảnh đại dịch Covid\_19

Tất cả 30 sinh viên được khảo sát đều cho thấy rằng việc vận dụng DHTM trong bối cảnh đại dịch Covid\_19 không chỉ là nhu cầu trước mắt mà còn là tất yếu trong định hướng giáo dục thời đại 4.0. Cụ thể, 100 % người học đánh giá dạy học trên nền tảng ICT là hình thức dạy học tương thích và hiệu quả nhất trong bối cảnh này. Trong đó, một sinh viên nhấn mạnh rằng: “Trước đây, việc ứng dụng DHTM giúp người học hứng thú và có động lực trong học tập thì trong tình hình dịch bệnh căng thẳng, mô hình dạy học này giúp cho quá trình dạy và học không bị gián đoạn. Đặc biệt, khi giảng viên có cách khai thác công nghệ hiệu quả, kết quả học tập của sinh viên sẽ tốt như mong đợi”. Bên cạnh đó, người học còn lí giải rằng việc vận dụng DHTM là sự lựa chọn phù hợp.

Thứ nhất, DHTM giúp quá trình dạy học không bị gián đoạn hay ảnh hưởng nhiều trong hoàn cảnh dịch bệnh còn nhiều phức tạp;

Thứ hai, DHTM góp phần làm giảm sự lầy lan và ảnh hưởng của dịch bệnh vì hạn chế sự tương tác trực tiếp giữa giảng viên và người học, giữa người học với nhau;

Bên cạnh sự cần thiết phải vận dụng DHTM trong tình hình dịch bệnh vẫn còn diễn biến khó lường, nhiều người học trình bày rõ quan điểm rằng sau khi dịch bệnh kết thúc hình thức DHTM vẫn nên được tiếp tục phát triển. Cụ thể, họ cho rằng hình thức dạy và học như thế rất phù hợp với định hướng mới của giáo dục và dạy học nhằm phát triển năng lực và phẩm chất của người học. Song song đó, sinh viên cũng nhận thấy việc học tập theo định hướng thông minh giúp họ tự chủ trong việc xây dựng chiến lược học tập và định hình sản phẩm học tập. Điều này đồng nghĩa với việc họ có thể tự học, chủ động vận dụng công nghệ một cách linh hoạt giúp đào tạo ra được những con người phù hợp với nhu cầu của xã hội hơn. Thay vì quan tâm tới tính hiệu quả và những nhược điểm của DHTM, đa số người học nhấn mạnh rằng bài giảng thông minh rất sinh động và dễ tiếp thu nên đã kích thích tâm lí học tập của họ.

Tuy vậy, một vài sinh viên vẫn tỏ ra lo lắng rằng việc ứng dụng DHTM không khéo léo và đúng cách sẽ dễ dàng dẫn đến những hậu quả đáng tiếc. Ví dụ, thiếu tương tác dẫn tới mối quan hệ trong lớp học dần trở nên mờ nhạt; người học thiếu cơ hội để phát triển nhiều kĩ năng mềm như giao tiếp, hợp tác, trình bày ý tưởng trước đám đông; người học không có cơ

hội để hoàn thành những học phần thực hành một cách tối ưu,...

### 3.3. Một số khó khăn và giải pháp

#### 3.3.1. Khó khăn

– Nhận thức của sinh viên còn chưa đầy đủ và thống nhất về DHTM nên khó vận dụng một cách phổ biến;

– Trang thiết bị còn thiếu nên một số giảng viên và sinh viên chưa thể tiến hành DHTM một cách thống nhất;

– Việc sử dụng thiết bị công nghệ trong thời gian dài sẽ không tốt cho sức khỏe: thiếu tập trung, mệt mỏi và căng thẳng, hoa mắt,...

– Đường truyền của mạng thiếu ổn định và đôi lúc gián đoạn nên ảnh hưởng nhiều đến chất lượng giờ giảng và việc truy cập vào hệ thống lớp học của sinh viên;

– Khả năng ứng dụng công nghệ thông tin của một bộ phận giảng viên và sinh viên còn hạn chế nên chưa thể tiến hành dạy và học theo cách thông minh;

– Nhiều sinh viên còn lười và thiếu trách nhiệm với việc học nên đổ lỗi cho đường truyền, tiếng ồn, bài giảng khó hiểu,...

– Một số nội dung khó và cần bàn luận sâu sẽ không được giải quyết thỏa đáng bằng hình thức DHTM;

– Cảm xúc, thái độ và ý tưởng khó được truyền đạt và đánh giá một cách chính xác.

#### 3.3.2. Giải pháp

– Thiết kế các ứng dụng, phần mềm chuyên dụng cho dạy học và kiểm tra đánh giá theo định hướng thông minh;

– Cung cấp tài liệu và tập huấn sử dụng các phần mềm, ứng dụng, công cụ,... cũng như cách thức triển khai DHTM hiệu quả;

– Nâng cấp và thường xuyên kiểm tra, bảo trì đường truyền và thiết bị dạy học;

– Lựa chọn và vận dụng phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá phù hợp: tích cực hóa hoạt động học, có sản phẩm học tập cụ thể,...

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

Ananiadou, K., & Claro, M. (2009). *21st century skills and competences for new millennium learners in OECD countries*. OECD Education Working Papers, No. 41, OECD Publishing, 33 pages.

Chun, S. (2013). Korea's Smart Education Initiative and Its Pedagogic Implications. *CNU. J. Educ.*

– Yêu cầu người học thực hành và nghiên cứu nhiều hơn thay vì chiếm lĩnh tri thức qua bài giảng;

– Hướng dẫn người học sử dụng công nghệ thông tin và khai thác internet;

– Thiết kế nội dung hướng dẫn học tập và thực hành một cách cụ thể, chi tiết, rõ ràng và dễ hiểu.

### 4. KẾT LUẬN

Dạy học thông minh dựa vào việc khai thác các nguồn lực một cách hiệu quả trên nền tảng ứng dụng tiên bộ của ICT. Trong quá trình dạy học này, bản chất của việc dạy học được thể hiện ở tính thông minh của các thành tố tạo nên quá trình dạy học như người dạy thông minh, người học thông minh, môi trường DHTM, nguồn học liệu thông minh,... Dựa trên nền tảng công nghệ, bản chất của DHTM có tính cởi mở và linh hoạt trên nguồn học liệu đa dạng và phong phú. Việc tổ chức dạy học dựa trên môi trường dạy học được mở rộng hơn với sự vận dụng của nhiều phương pháp và hình thức tổ chức lớp học cũng như kiểm tra đánh giá.

Đa số giảng viên và nhiều sinh viên ngành Sư phạm Địa lí có nhận thức tốt về DHTM và ý nghĩa của nó trong bối cảnh hội nhập và đổi mới giáo dục. Trong thời gian qua, đặc biệt là trong tình hình đại dịch Covid\_19 diễn biến phức tạp, giảng viên của Bộ môn Sư phạm Địa lí vận dụng DHTM một cách phổ biến với hiệu quả đáng khích lệ. Đặc biệt, sinh viên Sư phạm Địa lí đánh giá cao năng lực DHTM của giảng viên ngành này. Cụ thể, 85 % giảng viên và sinh viên nhận thấy DHTM đã được vận dụng rất hiệu quả và hiệu quả trong dạy học sinh viên ngành Sư phạm Địa lí.

Tuy vậy, còn nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan ảnh hưởng đến hiệu quả vận dụng DHTM. Hai trong số các tác nhân gồm ý thức học tập của sinh viên và sự thiếu hụt về nguồn lực công nghệ cần được quan tâm và cải thiện nhằm đạt được kết quả tối ưu hơn trong việc tổ chức dạy học theo hướng thông minh.

*Stud*, 34(2). 2-18.

<https://doi.org/10.18612/cnujes.2013.34.2.1>

Geoffrey, C., Constance, E., & Eric, S. (2014). *Smart Schools Commission Report*. New York.

Heinemann, C., & Uskov, V. L. (2017). Smart university: Literature review and creative analysis. In *International Conference on Smart*

- Education and Smart E-Learning*. Springer, Cham: 11 – 46. [https://doi.org/10.1007/978-3-319-59454-5\\_2](https://doi.org/10.1007/978-3-319-59454-5_2).
- IBM. (2018). *Smart Education*. Truy cập ngày 28/4/2018: [https://www.ibm.com/smarterplanet/global/file/au\\_en\\_uk\\_cities/ibm\\_smarter\\_education\\_now.pdf](https://www.ibm.com/smarterplanet/global/file/au_en_uk_cities/ibm_smarter_education_now.pdf).
- Kuppusamy, P. (2019). Smart Education Using Internet of Things Technology, *Emerging Technologies and Applications in Data Processing and Management*, 385 – 412. <https://doi.org/10.4018/978-1-5225-8446-9.ch017>.
- Attaran, M., Alias, N., & Siraj, S. (2012). Learning culture in a smart school: A case study. *Procedia-Social and Behavioral Sciences*, 64, 417– 423. <https://doi.org/10.1016/j.sbspro.2012.11.049>.
- Ibrahim, M. S., Razak, A. Z. A., & Kenayathulla, H. B. (2013). Smart principals and smart schools. *Procedia-Social and Behavioral Sciences*, 103, 826-836. <https://doi.org/10.1016/j.sbspro.2013.10.404>.
- Niemi, H., Kynäslähti, H., & Vahtivuori-Hänninen, S. (2013). Towards ICT in everyday life in Finnish schools: Seeking conditions for good practices. *Learning, Media and Technology*, 38(1), 57-71. <https://doi.org/10.1080/17439884.2011.651473>
- Scardamalia, M., & Bereiter, C. (2006). *Knowledge building: Theory, pedagogy, and technology* (pp. 97-118). <https://doi.org/10.1017/CBO9780511816833.008>.
- Tikhomirov, V., & Dneprovskaya, N. (2015, April). Development of strategy for smart University. In *Open Education Global International Conference* (pp. 22-24).
- Long, T. V., Hương, N. T. T., & Ánh, N. T, N. (2018). *Tổng quan về giáo dục thông minh và đại học thông minh*. Trường Đại học Giao thông Vận tải. Truy cập ngày 11/12/2021: <http://hvcsnd.edu.vn/nghien-cuu-trao-doi/dai-hoc-40/tong-quan-ve-giao-duc-thong-minh-va-dai-hoc-thong-minh-6631>.